

lý, sử dụng than trong việc tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ than như: bố trí kho tàng, tổ chức lực lượng bảo vệ, tuần tra canh gác, kiểm soát việc giao nhận, vận chuyển than, nắm tình hình và ngăn chặn kịp thời mọi hành động ăn cắp, mua bán than trái phép, v.v...

4. Ủy ban hành chính các cấp, các cơ quan, xí nghiệp và các tổ chức quần chúng ở các địa phương có đặt kho, bãi than, một mặt cần tăng cường giáo dục nhân dân, cán bộ, công nhân viên và các cháu thiếu nhi về ý thức tôn trọng, bảo vệ của công, phối hợp với cơ quan quản lý vật tư và các đơn vị sử dụng than, bảo vệ các kho, bãi than trong địa phương mình; mặt khác cần có hình thức kỷ luật thích đáng hoặc đưa ra truy tố đối với những kẻ có hành động ăn cắp, mua bán than trái phép.

C. Tăng cường quản lý than trong khâu sử dụng.

1. Các công ty vật tư phải ra sức phấn đấu cung ứng đầy đủ than cho các đơn vị sử dụng theo đúng chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước.

2. Các cơ quan, xí nghiệp, công trường và hợp tác xã được phân phối than phải sử dụng đúng mục đích quy định trong kế hoạch phân phối than của Nhà nước. Nếu không sử dụng hết, hoặc có loại than không sử dụng được thì phải báo cho Công ty vật tư trực tiếp cung ứng than cho mình biết để điều phối cho nơi khác, tuyệt đối không được tự ý bán lại hoặc đem trao đổi lấy vật tư, hàng hóa khác.

Số than sử dụng nội bộ ở các mỏ cũng phải theo đúng chỉ tiêu phân phối của Nhà nước.

3. Hàng tháng, các đơn vị sử dụng than phải báo cáo với Công ty vật tư phụ trách quản lý cung ứng than cho mình biết về tình hình xuất, nhập, tồn kho và tình hình sử dụng than ở đơn vị mình, mặt khác phải tích cực giúp đỡ và tạo điều kiện thuận tiện cho cơ quan cung ứng vật tư kiểm tra việc sử dụng.

Khi kiểm tra, nếu đơn vị sử dụng có thành tích trong bảo quản, bảo vệ, giảm hao hụt, sử dụng tiết kiệm than thì Công ty vật tư báo cáo với cơ quan chủ quản của đơn vị sử dụng và với Bộ Vật tư đề biếu dương, khen thưởng. Nếu phát hiện thấy sử dụng than không đúng kế hoạch, trái với chủ trương, chính sách của Nhà nước thì Công ty Vật tư lập biên bản báo cáo lên Bộ Vật tư và cơ quan cấp trên của đơn vị được kiểm tra đề báo cáo với Nhà nước. Trường hợp phát hiện có sự tham ô, móc ngoặc, lấy cắp than thì có thể đề nghị truy tố trước tòa án.

Quản lý than chặt chẽ theo chế độ, nguyên tắc là một việc khó khăn, phức tạp, nhưng cũng là yêu cầu rất cấp thiết, nhằm giữ gìn vật tư, bảo

vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, góp phần tích cực vào việc thực hiện kế hoạch Nhà nước.

Nhận được thông tư này, liên Bộ yêu cầu các cơ quan đơn vị nghiên cứu, phổ biến rộng rãi cho cán bộ, công nhân viên và nhân dân biết, đồng thời phải khẩn trương tổ chức sự phối hợp giữa các ngành có liên quan đề bảo đảm thực hiện tốt thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có mắc mưu, các đơn vị phản ánh với Bộ Vật tư đề Bộ Vật tư phối hợp với các Bộ có liên quan, kịp thời giải quyết.

Hà-nội, ngày 7 tháng 8 năm 1972

K.T. Bộ trưởng Bộ Vật tư

Thủ trưởng

TRẦN TRUNG

K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Thủ trưởng

DUYÊN BẠCH LIÊN

K.T. Bộ trưởng Bộ Công an

Thủ trưởng

TRẦN QUYẾT

THÔNG TƯ của Tổng Công đoàn Việt nam — Bộ Tài chính số 15-TT/LB ngày 16-8-1972 hướng dẫn thi hành chế độ trợ cấp cho công nhân, viên chức bị thiệt hại về người và của do tai nạn chiến tranh.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta hiện nay, mỗi người dân — trong đó có công nhân, viên chức — đều có nghĩa vụ đóng góp sức mình để bảo vệ Tổ quốc.

Quá trình chiến đấu chống địch, nhân dân ta đã thực hiện nhiều biện pháp bảo vệ, phòng tránh tốt, tuy vậy, ở một số nơi cũng có xảy ra tổn thất về người và của, trong đó, có bản thân và gia đình công nhân, viên chức.

Ở những nơi xảy ra tai nạn gây thiệt hại cho bản thân và gia đình công nhân, viên chức, các cấp, các ngành, các đoàn thể, đã động viên mọi người nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, đoàn kết giúp đỡ nhau, nhanh chóng khắc phục những hậu quả do địch gây ra. Đó là việc làm rất tốt, tích cực và thiết thực nhất. Song để giúp đỡ một phần cho người bị nạn mau chóng ổn định đời sống, sản xuất và công tác, Hội đồng Chính

phủ đã ban hành nghị quyết số 83-CP ngày 29-4-1972 về việc phòng không sơ tán trong tình hình mới. Ngày 5-5-1972, Bộ Tài chính đã ra thông tư số 08-TC/HCVX hướng dẫn thi hành nghị quyết của Hội đồng Chính phủ nói trên (trong đó có phần về chế độ trợ cấp đối với gia đình công nhân, viên chức gặp khó khăn vì tai nạn chiến tranh).

Nay Tổng Công đoàn Việt-nam và Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chế độ trợ cấp cho công nhân, viên chức và gia đình gặp khó khăn do địch đánh phá bị thiệt hại về người và của như sau :

1. Đối tượng trợ cấp.

Tất cả những công nhân, viên chức Nhà nước là lực lượng lao động lâu dài, thuộc chỉ tiêu lao động, tiền lương của cơ quan, xí nghiệp, không kể người đó có mức thu nhập bình quân cao hay thấp, nếu có thiệt hại về người và của cải do địch đánh phá gây ra mà gặp khó khăn về đời sống đều là đối tượng được xét trợ cấp.

2. Thiệt hại về người và của cải làm cơ sở cho việc xét trợ cấp quy định như sau.

— Về người : bao gồm bản thân công nhân, viên chức và người trong gia đình mà công nhân, viên chức phải chịu trách nhiệm chính đài thọ việc nuôi dưỡng như : cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con... bị chết, bị thương do địch gây ra, mà hiện nay công nhân, viên chức đó phải chi phí về chôn cất, hoặc về thuốc men điều trị, điều dưỡng.

— Về của : bao gồm những của cải thiết yếu bảo đảm sinh hoạt tối thiểu của bản thân và gia đình như : áo quần, chăn màn, giường chiếu, nhà ở, dụng cụ dùng vào việc ăn uống, xe đạp v.v. bị địch bắn phá thiệt hại, phải mua sắm lại.

3. Mức trợ cấp và vận dụng mức trợ cấp.

Mức trợ cấp ít nhất là 20đ, nhiều nhất là 250đ, chia ra các mức để áp dụng cho từng trường hợp như sau :

a) Thiệt hại cả về người và của ở mức mà khả năng công nhân, viên chức khôi phục lại sinh hoạt bình thường phải mất thời gian khá lâu (phải hàng năm mới khôi phục được mức sống bình thường), đời sống gặp nhiều khó khăn thì được trợ cấp mức nhiều nhất là 250đ.

b) Thiệt hại về người, hoặc thiệt hại về của cải hoặc thiệt hại cả về người và về của, nhưng ở mức thấp hơn loại a nói trên, khả năng công nhân, viên chức khôi phục lại sinh hoạt bình thường với thời gian nhanh hơn loại a nói trên, thì được trợ cấp từ 150đ đến 200đ.

c) Thiệt hại về người hoặc về của cải, hoặc bị thiệt hại cả về người và của cải ở mức thấp hơn loại b nói trên, thì được trợ cấp từ 100đ đến 140đ.

d) Thiệt hại về người hoặc của cải ở mức thấp hơn loại c nói trên, thì được trợ cấp từ 20đ đến 90đ.

Tóm lại, phải căn cứ vào mức độ thiệt hại và khả năng khôi phục lại sinh hoạt của từng người để áp dụng mức trợ cấp cho đúng theo mức trợ cấp đã quy định trên.

4. Thủ tục xét trợ cấp.

Tất cả những trường hợp công nhân, viên chức hoặc gia đình bị tai nạn, đều do thủ trưởng và ban chấp hành công đoàn cơ quan, xí nghiệp xác minh và quyết định trợ cấp.

Các tổ chức giúp việc cho thủ trưởng cơ quan, xí nghiệp như tổ chức cán bộ, lao động, tiền lương v.v. có nhiệm vụ tiến hành những thủ tục cần thiết giúp thủ trưởng và công đoàn xác minh và quyết định trợ cấp.

Nếu tai nạn xảy ra, nhưng cơ quan, xí nghiệp chưa nắm được cụ thể rõ ràng mức độ thiệt hại tình hình thu nhập gia đình v.v... thì phải cử người có trách nhiệm đến tận nơi nắm tình hình, đồng thời thăm hỏi, động viên, an ủi gia đình người bị tai nạn.

Trường hợp vì sự đi lại khó khăn, nguy hiểm hoặc tốn kém nhiều, thì cơ quan, xí nghiệp liên hệ với chính quyền xã, khu phố, hoặc cơ quan có trách nhiệm nơi xảy ra sự việc, bằng công văn đề xác minh cho đúng thực tế. Không nhất thiết cứ phải yêu cầu người bị tai nạn khai báo và lấy giấy chứng nhận của nhiều cấp, nhiều ngành, đồng thời phải có hình thức thăm hỏi, động viên an ủi bản thân hoặc gia đình người bị tai nạn.

Nếu cơ quan, xí nghiệp đã nắm chắc được mức độ thiệt hại và tình hình thu nhập của gia đình người bị tai nạn thì có thể không yêu cầu người bị tai nạn làm bản tự khai.

Tóm lại, việc trợ cấp phải sát thực tế, đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn, đúng chế độ quản lý tài chính và phải kịp thời nhưng nên hết sức tránh gây phiền phức không cần thiết cho người hoặc gia đình người bị tai nạn.

5. Kinh phí trợ cấp.

Số tiền đề chi về khoản trợ cấp này do ngân sách Nhà nước cấp và quỹ xí nghiệp, quỹ phúc lợi bổ sung, thuộc kinh phí trợ cấp cho gia đình công nhân, viên chức gặp khó khăn theo quy định hiện hành tại thông tư số 40-TT/LB ngày 10-11-1965 của Bộ Tài chính và Tổng Công đoàn và thông tư số 08-TC/HCVX ngày 5-5-1972 của Bộ Tài chính.

6. Hiệu lực thi hành.

Thông tư này thay thế cho thông tư số 17-TT/LB ngày 30-5-1969 của Tổng Công đoàn và Bộ Tài chính và có hiệu lực thi hành từ ngày dịch đánh phá trở lại ở từng địa phương.

Hà-nội, ngày 16 tháng 8 năm 1972

T. M. Ban thư ký Tổng Công đoàn

Ủy viên thường trực

ĐỖ TRỌNG GIANG

K. T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

NGUYỄN THANH SƠN

BỘ THỦY LỢI

THÔNG TƯ số 29.TL/TT ngày 22-8-1972 quy định và hướng dẫn thi hành chế độ đối với công nhân khảo sát đường hầm và thi công các công trình tụy-nen trong ngành thủy lợi.

Nhiệm vụ của ngành thủy lợi hiện nay và các năm sau là phải xây dựng nhiều công trình thủy lợi và thủy điện để phục vụ cho nông nghiệp và công nghiệp phát triển. Trong những công trình thủy lợi và thủy điện cần xây dựng, có một số công trình phải khảo sát theo đường hầm và thi công các công trình tụy-nen.

Từ đầu năm 1971 ngành thủy lợi đã tổ chức các đội chuyên trách làm hầm lò để khảo sát công trình thủy điện ...(*) Về tính chất nhiệm vụ của các đội hầm lò là đào những hầm xuyên qua núi, sâu vào trong lòng đất, để thu thập tài liệu về địa chất, thủy văn hoặc thi công các công trình tụy-nen. Hoàn cảnh làm việc của công nhân hầm lò thường làm ở nơi nhiều đá, tiết diện làm lò bị khống chế, diện tích công tác hẹp, việc thông gió có khó khăn hơn và càng vào sâu thì ảnh hưởng của bụi đá, khí độc càng nhiều, độ ẩm càng lớn, về điều kiện làm việc chưa được cải thiện, còn nhiều khâu phải làm thủ công, dùng sức người là chủ yếu và phải tăng cường độ lao động.

Căn cứ vào tính chất lao động và điều kiện công tác nói ở trên, sau khi nghiên cứu chế độ và được Bộ Lao động thỏa thuận tại công văn số 588-LĐ/TL ngày 15-6-1972, Bộ ra thông tư này quy định và hướng dẫn thi hành các chế độ

về tiền lương, phụ cấp, bồi dưỡng hiện vật, tiêu chuẩn lương thực, thực phẩm và trang bị phòng hộ đối với cán bộ và công nhân làm hầm lò trong ngành thủy lợi theo các điểm sau đây :

I. Về chế độ tiền lương.

Đề phù hợp với tính chất công tác và điều kiện lao động hầm lò, những công nhân chuyên nghiệp về khảo sát đường hầm hoặc thi công các công trình tụy-nen trong ngành thủy lợi được vận dụng xếp lương, theo các bậc sau đây, kể từ bậc 3 trở lên của thang lương khảo sát 6 bậc, bội số 2.11, mức lương khởi điểm 39 và tối đa 81đ90 :

Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6
52đ20	60đ80	70đ50	81đ90

Các đoàn khảo sát địa chất và công ty khảo sát thuộc Viện Thiết kế thủy lợi căn cứ vào đặc điểm tổ chức lao động và yêu cầu kỹ thuật của từng bậc thợ trên đây, tiến hành xây dựng tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật, trình Bộ xét duyệt ban hành để làm căn cứ xếp bậc cho công nhân.

II. Chế độ phụ cấp làm trong hầm lò.

Về chế độ phụ cấp, tạm thời quy định các mức như sau :

a) Công nhân trực tiếp làm việc ở trong các đường hầm như : công nhân khoan, bắn mìn, chống đỡ hầm, vận chuyển đất đá trong hầm được phụ cấp bằng 25% tiền lương chính.

b) Công nhân trực tiếp làm việc ở các lò đá, lò giếng có độ sâu từ 5 mét trở lên (kể cả lò giếng có đá) được phụ cấp bằng 35% tiền lương chính.

c) Đối với cán bộ, nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ thường xuyên trực tiếp vào hầm lò làm công tác hướng dẫn kỹ thuật, hoặc cùng với chuyên gia vào nghiên cứu, thí nghiệm được phụ cấp 15% tiền lương chính.

Khoản phụ cấp trên được tính theo giờ thực tế vào làm việc trong hầm, từ 2 giờ đến 5 giờ tính nửa ngày, trên 5 giờ trở lên tính một ngày.

III. Chế độ bồi dưỡng hiện vật.

a) Công nhân làm các công việc trong đường hầm như : khoan, bắn mìn, chèn, chống, cuốc, xúc, vận chuyển (do các tổ chức đội hỗn hợp thay đổi nhau làm chung mọi công việc) được hưởng mức bồi dưỡng như sau :

(*) Không in một đoạn ngắn.